

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST.  
Ngày: 08-5-2018  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Loan Trần Hải Yến

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Huỳnh Thế Cần

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 644/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường L, thành phố, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Trương Phúc H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường L, thành phố, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2018)

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khóm D, phường K, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H, bà N có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Trương Phúc H trình bày:*

Vào ngày 29/8/2017, ông có cho bà N mượn số tiền 60.000.000đ, có viết giấy thỏa thuận mượn tiền, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả vào ngày 29/9/2017. Tuy nhiên, sau khi mượn thì bà N mới trả được số tiền lãi là 1.200.000đ/tháng, còn tiền gốc chưa trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N trả số tiền gốc đã vay là 60.000.000đ và tiền lãi tạm tính 01 tháng,

mức lãi suất 1% tháng là 600.000đ. Ông xác định chỉ kiện một mình bà N vì chỉ cho một mình bà N vay tiền.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/4/2018 là 7 tháng x 1%/tháng của số tiền gốc 60.000.000đ là 4.200.000đ. Tổng cộng số tiền ông yêu cầu bà N phải trả là 64.200.000đ (trong đó gốc là 60.000.000đ; tiền lãi: 4.200.000đ)

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

Vào ngày 29/8/2017, bà có ký giấy thỏa thuận mượn số tiền 60.000.000đ của ông Nguyễn Thành T, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Chữ viết trong giấy thỏa thuận mượn tiền là do bà viết và ký tên. Tuy nhiên, sau khi ký giấy bà không nhận tiền từ ông T mà nhận tiền từ bà Tống Thị Khánh G. Bà viết giấy thỏa thuận mượn tiền với ông T vì bà tưởng ông T là chồng bà G. Sau khi nhận tiền từ bà G thì đến khoảng tháng 11 năm 2017, bà đã trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho bà G. Khi trả tiền hai bên không làm giấy đã trả tiền, bà cũng không lấy lại giấy thỏa thuận mượn tiền. Việc bà vay tiền là bà vay để trả nợ cho người khác, chồng bà không biết việc này.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc đã vay là 60.000.000đ và 600.000đ tiền lãi thì bà không đồng ý vì bà đã trả tiền cho bà G.

Đối với yêu cầu của đại diện nguyên đơn yêu cầu bà trả số tiền lãi từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/4/2018 là 7 tháng x 1%/tháng của số tiền gốc 60.000.000đ là 4.200.000đ thì bà không đồng ý vì tiền gốc bà đã trả hết cho bà G.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T, buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải thanh toán cho ông T số tiền còn nợ là 60.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 4.200.000đ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N có địa chỉ tại khóm D, phường K, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thành T có giấy ủy quyền cho ông Trương Phúc H tham gia tố tụng thủ tục ủy quyền đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N thanh toán số tiền gốc còn nợ là 60.000.000đ và 600.00đ

tiền lãi theo giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 29/8/2017 nên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T xét thấy:

Theo như giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 29/8/2017 thì bà Nguyễn Thị Thanh N có vay của ông Nguyễn Thành T số tiền 60.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2% tháng, mục đích vay là buôn bán, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 29/8/2017 đến ngày 29/9/2017. Theo ông T sau khi vay tiền thì bà N mới trả được số tiền lãi là 1.200.000đ/tháng, còn tiền gốc chưa trả. Nên ông T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N trả số tiền gốc đã vay là 60.000.000đ và tiền lãi tạm tính 01 tháng, mức lãi suất 1% tháng là 600.000đ. Bà Nguyễn Thị Thanh N thì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T vì bà cho rằng đã trả cho bà G. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi từ ngày 30/9/2017 đến ngày 30/4/2018 là 7 tháng x 1%/tháng của số tiền gốc 60.000.000đ là 4.200.000đ. Tổng cộng số tiền ông yêu cầu bà N phải trả là 64.200.000đ (trong đó gốc là 60.000.000đ; tiền lãi: 4.200.000đ). Tổng cộng số tiền ông T yêu cầu bà N phải trả là 64.200.000đ (trong đó gốc là 60.000.000đ; tiền lãi: 4.200.000đ)

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy việc vay tiền giữa bà N và ông T là có thật việc này được các bên thừa nhận. Tuy nhiên, bà N cho rằng đã nhận tiền vay từ bà G và đã trả tiền cho bà G nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đây chỉ là lời khai của bà N, không được phía nguyên đơn thừa nhận. Tòa án cũng đã tiến hành làm việc với bà Tống Thị Khánh G thì bà G không hề biết việc vay tiền giữa bà N và ông T. Do đó việc ông T khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi là 4.200.000đ là có cơ sở chấp nhận. Nên buộc bà N có trách nhiệm thanh toán cho ông T tổng cộng số tiền 64.200.000đ (trong đó gốc là 60.000.000đ; tiền lãi: 4.200.000đ).

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 3.210.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền 1.515.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T đối với bà Nguyễn Thị Thanh N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Thành T số tiền còn nợ là 64.200.000đ (Sáu mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng) (trong đó gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng chẵn); tiền lãi: 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 3.210.000đ (Ba triệu hai trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.515.000đ (Một triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 003756 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Loan Trần Hải Yến**